

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-32

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.235.764.657	100.537.471.827
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.584.518.588	26.091.918.679
111	1. Tiền		11.084.518.588	13.991.918.679
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000	12.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	300.000.000	1.050.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		300.000.000	1.050.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.021.741.079	19.321.312.170
131	1. Phải thu của khách hàng		16.174.960.394	18.735.723.655
132	2. Trả trước cho người bán		310.700.543	531.929.000
135	5. Các khoản phải thu khác	5	1.930.490.521	448.069.894
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(394.410.379)
140	IV. Hàng tồn kho	6	54.681.574.456	53.601.519.239
141	1. Hàng tồn kho		54.681.574.456	53.601.519.239
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.647.930.534	472.721.739
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.117.389.310	427.877.496
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		529.203.867	17.813.182
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	12.195.554
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		1.337.357	14.835.507
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		119.102.858.045	124.251.705.130
220	II. Tài sản cố định		55.640.405.632	60.622.098.682
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	50.265.800.284	54.998.019.626
222	- Nguyên giá		124.797.830.804	124.711.777.789
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.532.030.520)	(69.713.758.163)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	5.136.952.257	5.386.425.965
228	- Nguyên giá		6.724.538.088	6.771.650.088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.587.585.831)	(1.385.224.123)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		237.653.091	237.653.091
240	III. Bất động sản đầu tư	9	38.849.600.463	40.780.570.655
241	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.481.862.189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.607.371.726)	(11.701.291.534)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	22.152.119.529	20.835.617.619
251	1. Đầu tư vào công ty con		17.200.000.000	15.100.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		8.700.000.000	8.700.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.870.209.671)	(3.086.711.581)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.460.732.421	2.013.418.174
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.460.732.421	2.013.418.174
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		211.338.622.702	224.789.176.957

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		20.887.401.937	34.787.313.450
310	I. Nợ ngắn hạn		20.887.401.937	34.787.313.450
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	7.436.277.409	15.118.806.719
312	2. Phải trả người bán		7.207.203.676	5.332.387.561
313	3. Người mua trả tiền trước		2.092.233.001	501.323.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	14.536.609	9.016.630.403
315	5. Phải trả người lao động		1.568.679.199	1.820.817.749
316	6. Chi phí phải trả		-	3.938.499
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	2.728.774.529	2.954.067.188
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(160.302.486)	39.341.831
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		190.451.220.765	190.001.863.507
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	190.451.220.765	190.001.863.507
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.477.656.109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.778.977.560)	(4.228.334.818)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		211.338.622.702	224.789.176.957

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	219.004.640
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		81.121,79	3.645,87
- Đồng Euro (EUR)		305,12	522,96

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2013*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	96.280.730.897	109.651.648.321
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	253.445.260	144.321.028
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	96.027.285.637	109.507.327.293
11	4. Giá vốn hàng bán	19	89.982.505.007	110.913.516.608
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.044.780.630	(1.406.189.315)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.158.924.640	2.392.315.533
22	7. Chi phí tài chính	21	1.645.467.750	4.231.912.409
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		481.053.646	1.397.576.967
24	8. Chi phí bán hàng		1.650.703.533	1.511.505.687
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.443.836.497	3.825.361.260
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		463.697.490	(8.582.653.138)
31	11. Thu nhập khác	22	164.529.347	583.719.104
32	12. Chi phí khác	23	178.869.579	85.833.882
40	13. Lợi nhuận khác		(14.340.232)	497.885.222
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		449.357.258	(8.084.767.916)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		449.357.258	(8.084.767.916)

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lậpNguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		449.357.258	(8.084.767.916)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		10.858.552.350	10.571.723.600
03	- Các khoản dự phòng		783.498.090	1.844.559.514
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.687.967	(8.162.384)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.857.862.792)	(2.251.126.476)
06	- Chi phí lãi vay		481.053.646	1.397.576.967
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.716.286.519	3.469.803.305
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		694.457.110	11.220.421.521
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.080.055.217)	4.374.447.514
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.737.161.147)	2.829.783.055
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(769.563.593)	401.981.545
13	- Tiền lãi vay đã trả		(481.053.646)	(1.397.576.967)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(482.522.588)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		459.447.912	616.807.739
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(921.011.938)	(1.020.434.120)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.881.346.000	20.012.711.004
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.445.902.089)	(1.819.804.821)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		124.545.455	24.272.728
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.550.000.000)	(5.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.300.000.000	4.600.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.100.000.000)	(5.000.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.968.344.941	2.436.143.014
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.703.011.693)	(5.059.389.079)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		25.842.252.759	72.494.356.635
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(33.524.782.069)	(80.703.973.531)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.884.374.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.682.529.310)	(14.093.991.496)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2013**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.504.195.003)	859.330.429
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		26.091.918.679	25.226.879.782
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.205.088)	5.708.468
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	17.584.518.588	26.091.918.679

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	10	năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06	năm
- Quyền sử dụng đất	42	năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm tài chính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 35	năm
--------------------------	---------	-----

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.594.110.744	8.595.730.820
Tiền gửi ngân hàng	8.490.407.844	5.396.187.859
Các khoản tương đương tiền (*)	6.500.000.000	12.100.000.000
	17.584.518.588	26.091.918.679

(*) - Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	300.000.000	1.050.000.000
	300.000.000	1.050.000.000

(*) Số dư cho Công ty TNHH Việt Kinh Thương vay với thời hạn dưới 01 năm, lãi suất trong năm 2013 là từ 10 - 12%/năm

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	32.495.872
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	5.734.564
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	1.911.523
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	188.000.000
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	68.583.000	-
Phải thu tiền cho mượn không tính lãi Công ty TNHH MTV		
Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	1.800.000.000	-
Phải thu khác	61.907.521	219.927.935
	1.930.490.521	448.069.894

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.931.750.971	35.520.931.763
Công cụ, dụng cụ	1.027.493.552	865.423.795
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.294.255.066	1.082.745.985
Thành phẩm	10.842.998.858	14.133.245.464
Hàng hoá	1.585.076.009	1.999.172.232
	54.681.574.456	53.601.519.239

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	6.237.885.093	533.764.995	6.771.650.088
Điều chỉnh giảm TSCĐ theo TT45/2013	-	(47.112.000)	(47.112.000)
Tại ngày 31/12/2013	6.237.885.093	486.652.995	6.724.538.088
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	1.083.225.550	301.998.573	1.385.224.123
Trích khấu hao	149.410.416	82.923.383	232.333.799
Điều chỉnh giảm TSCĐ theo TT45/2013	-	(29.972.091)	(29.972.091)
Tại ngày 31/12/2013	1.232.635.966	354.949.865	1.587.585.831
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	5.154.659.543	231.766.422	5.386.425.965
Tại ngày 31/12/2013	5.005.249.127	131.703.130	5.136.952.257

9 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	52.481.862.189	52.481.862.189
Điều chỉnh giảm TSCĐ theo TT45/2013	(24.890.000)	(24.890.000)
Tại ngày 31/12/2013	52.456.972.189	52.456.972.189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	11.701.291.534	11.701.291.534
Trích khấu hao	1.926.130.473	1.926.130.473
Điều chỉnh giảm TSCĐ theo TT45/2013	(20.050.281)	(20.050.281)
Tại ngày 31/12/2013	13.607.371.726	13.607.371.726
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	40.780.570.655	40.780.570.655
Tại ngày 31/12/2013	38.849.600.463	38.849.600.463

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	17.200.000.000	15.100.000.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty TNHH MTV SXKD Xuất Nhập Khẩu Nhựa Âu Lạc	2.100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8.700.000.000	8.700.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.870.209.671)	(3.086.711.581)
	22.152.119.529	20.835.617.619

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công Ty TNHH MTV SXKD Xuất Nhập Khẩu Nhựa Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59.500.000	59.500.000
	122.329.200	122.329.200

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	(1.740.497.595)	(1.740.497.595)
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	(2.129.712.076)	(1.346.213.986)
	(3.870.209.671)	(3.086.711.581)

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.106.932.155	453.222.191
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	48.700.000	490.000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	567.608.300	629.741.839
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	568.392.563	820.797.976
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	169.099.403	109.166.168
	2.460.732.421	2.013.418.174

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	7.436.277.409	11.087.651.459
Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch Tân Bình	-	4.031.155.260
	7.436.277.409	15.118.806.719

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0272/TaB1/13LD ngày 04/11/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm kinh doanh dịch vụ giải trí và văn phòng cho thuê);
- + Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng bằng thời hạn rút vốn (+) cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng;
- + Lãi suất cho vay: theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2013 là 352.680,93 USD, tương đương với 7.436.277.409 đồng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	14.536.609	995.963
Các loại thuế khác	-	9.015.634.440
	14.536.609	9.016.630.403

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	27.837.393	-
Bảo hiểm y tế	1.992.808	-
Bảo hiểm thất nghiệp	400.590	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	21.816.000	21.816.000
Quỹ phải trả người lao động	1.834.625.342	2.035.579.342
Phải trả về doanh thu liên kết của tòa nhà Alta - Unique	-	541.070.651
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	796.256.552	334.808.640
Phải trả, phải nộp khác	45.845.844	20.792.555
	2.728.774.529	2.954.067.188

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.904.477.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	<i>5.904.477.600</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.356.212</i>	<i>5.356.212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.920.398</i>	<i>4.920.398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.477.656.109	1.477.656.109
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	4.368.550.442	4.368.550.442

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	80.868.699.036	91.537.797.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.412.031.861	18.113.850.763
	96.280.730.897	109.651.648.321

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	253.445.260	144.321.028
	253.445.260	144.321.028

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	80.615.253.776	91.393.476.530
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.412.031.861	18.113.850.763
	96.027.285.637	109.507.327.293

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	74.915.352.046	92.749.730.923
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.067.152.961	18.163.785.685
	89.982.505.007	110.913.516.608

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	908.927.941	1.297.170.514
Cổ tức, lợi nhuận được chia	940.000.000	950.972.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	309.996.699	136.010.135
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	8.162.384
	2.158.924.640	2.392.315.533

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	481.053.646	1.397.576.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	379.228.047	989.775.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.687.967	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	783.498.090	1.844.559.514
	1.645.467.750	4.231.912.409

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	124.545.455	24.272.728
Thu nhập khác	39.983.892	559.446.376
	164.529.347	583.719.104

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	115.610.604	21.289.266
Chi phí khác	63.258.975	64.544.616
	178.869.579	85.833.882

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	449.357.258	(8.084.767.916)
Các khoản điều chỉnh tăng	92.048.026	-
- Chi phí không hợp lệ	92.048.026	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.481.405.284)	(950.972.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(940.000.000)	(950.972.500)
- Chuyển lỗ các năm trước	(541.405.284)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(940.000.000)	(9.035.740.416)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	482.522.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(482.522.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.420.048.587	76.072.518.739
Chi phí nhân công	13.593.065.834	5.540.255.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.856.737.327	5.070.208.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.766.183.390	3.212.971.955
Chi phí khác bằng tiền	2.239.524.394	1.150.031.394
	80.875.559.532	91.045.985.722

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.584.518.588	-	26.091.918.679	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.105.450.915	(394.410.379)	19.183.793.549	(394.410.379)
Các khoản cho vay	300.000.000	-	1.050.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	36.112.298.703	(394.410.379)	46.448.041.428	(394.410.379)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	7.436.277.409	15.118.806.719
Phải trả người bán, phải trả khác	9.935.978.205	8.286.454.749
Chi phí phải trả	-	3.938.499
	17.372.255.614	23.409.199.967

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.584.518.588	-	-	17.584.518.588
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.711.040.536	-	-	17.711.040.536
Các khoản cho vay	300.000.000	-	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<u>35.595.559.124</u>	<u>122.329.200</u>	<u>-</u>	<u>35.717.888.324</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.091.918.679	-	-	26.091.918.679
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.789.383.170	-	-	18.789.383.170
Các khoản cho vay	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<u>45.931.301.849</u>	<u>122.329.200</u>	<u>-</u>	<u>46.053.631.049</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	7.436.277.409	-	-	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	9.935.978.205	-	-	9.935.978.205
	17.372.255.614	-	-	17.372.255.614
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	15.118.806.719	-	-	15.118.806.719
Phải trả người bán, phải trả khác	8.286.454.749	-	-	8.286.454.749
Chi phí phải trả	3.938.499	-	-	3.938.499
	23.409.199.967	-	-	23.409.199.967

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.615.253.776	15.412.031.861	96.027.285.637
Chi phí bộ phận trực tiếp	74.915.352.046	15.067.152.961	89.982.505.007
Chi phí không phân bổ			5.581.083.140
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	313.600.650	178.866.291	463.697.490
Tài sản bộ phận trực tiếp	127.849.939.032	43.214.392.462	171.064.331.494
Tài sản không phân bổ	-	-	40.274.291.208
Tổng tài sản	127.849.939.032	43.214.392.462	211.338.622.702

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	17.543.874.098	3.343.527.839	20.887.401.937
Tổng nợ phải trả	17.543.874.098	3.343.527.839	20.887.401.937

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	-	5.000.000.000
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Nhựa Âu Lạc	Công ty con	2.100.000.000	-
Doanh thu			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.074.406.256	3.032.456.041
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Công ty con	-	285.084.698
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.816.797.953	1.723.868.318
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	498.416.335	588.592.552
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	167.795.117	1.682.183.701
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Công ty con	17.681.960	781.717.574
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	115.450.000
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	79.385.834
Cho vay vốn			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	-	431.000.000
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	100.000.000
Lãi cho vay vốn			
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	61.083.000	-
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	940.000.000	950.972.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	115.684.643	66.431.398
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	370.558.417	323.748.713
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	173.675.171	320.687.048
Phải thu khác			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.800.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Công ty con	-	9.027.390
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	188.000.000
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	61.083.000	-
Phải trả tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	110.203.616	289.295.651
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	34.552.000
Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	64.655.649

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	860.461.000	741.624.500

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	23.577.460.562	98.623.573.530	1.793.456.651	611.028.946	106.258.100	124.711.777.789
Mua sắm	166.328.640	2.527.493.487	983.005.455	-	-	3.676.827.582
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	385.577.199	-	383.497.308	-	-	769.074.507
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.933.876.270)	-	-	-	(2.933.876.270)
Giảm khác (*)	-	(1.007.930.861)	(23.809.520)	(394.232.423)	-	(1.425.972.804)
Tại ngày 31/12/2013	24.129.366.401	97.209.259.886	3.136.149.894	216.796.523	106.258.100	124.797.830.804
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	11.047.056.694	56.974.981.069	1.272.816.474	372.075.308	46.828.618	69.713.758.163
Trích khấu hao	1.266.550.330	7.229.569.271	152.417.692	40.924.977	10.625.808	8.700.088.078
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.818.265.666)	-	-	-	(2.818.265.666)
Giảm khác (*)	-	(761.313.892)	(23.809.520)	(278.426.643)	-	(1.063.550.055)
Tại ngày 31/12/2013	12.313.607.024	60.624.970.782	1.401.424.646	134.573.642	57.454.426	74.532.030.520
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	12.530.403.868	41.648.592.461	520.640.177	238.953.638	59.429.482	54.998.019.626
Tại ngày 31/12/2013	11.815.759.377	36.584.289.104	1.734.725.248	82.222.881	48.803.674	50.265.800.284

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.307.864.517 đồng

(*) Điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012									
Tại ngày 01/01/2012	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	(828.853.039)	1.242.204.294	2.890.894.333	10.231.814.329	203.397.707.800
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(8.084.767.916)	(8.084.767.916)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	235.451.815	-	(6.375.381.231)	(6.139.929.416)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	828.853.039	-	-	-	828.853.039
Tại ngày 31/12/2012	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(4.228.334.818)	190.001.863.507
Năm 2013									
Tại ngày 01/01/2013	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(4.228.334.818)	190.001.863.507
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	449.357.258	449.357.258
Tại ngày 31/12/2013	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(3.778.977.560)	190.451.220.765

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9.015.820.000	16,83%	9.015.820.000	16,83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Ông Hoàng Văn Điều	4.964.500.000	9,27%	4.464.500.000	8,34%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3.052.000.000	5,70%	3.052.000.000	5,70%
Ông La Thế Nhân	2.534.740.000	4,73%	2.534.740.000	4,73%
Vốn góp của đối tượng khác	27.475.230.000	51,30%	27.975.230.000	52,23%
	53.562.120.000	100%	53.562.120.000	100%